

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN,
PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, VIỆC BẢO
ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
TRONG DỰ THẢO LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (SỬA ĐỔI)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Tư pháp đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)

Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) được xây dựng nhằm thay thế Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Sau 12 năm triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật và khiếu kiện ở cơ sở. Tuy nhiên, qua thực tiễn thi hành cho thấy, một số quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, không còn phù hợp, chưa đáp ứng được sự phát triển của đất nước và thế giới. Một số quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở hiện nay chưa tương thích với các văn bản quy phạm pháp luật khác: nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, trong đó quy định khuyến khích sử dụng biện pháp hòa giải trước khi áp dụng các biện pháp tư pháp chính thống như Bộ luật Hình sự¹, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự², Luật Đất đai³, Luật Hôn nhân và gia đình⁴, Luật Phòng, chống bạo

¹ Khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định một trong những căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp là người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải

² Quy định thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án tại Chương XXXIII

³ Khoản 1 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024 quy định “Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải, hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở, hòa giải theo quy định pháp pháp luật về hòa giải thương mại hoặc cơ chế hòa giải khác theo quy định của pháp luật”

⁴ Điều 52 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Việc hòa giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở”

lực gia đình⁵, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng⁶... Trong các văn bản này đều có những quy định ưu tiên hòa giải ở cơ sở khi có tranh chấp, mâu thuẫn, vi phạm pháp luật. Trong bối cảnh sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các quy định liên quan đến cấp huyện trong Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 không còn phù hợp. Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp đã phân định thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác hoà giải ở cơ sở. Tuy nhiên, Nghị định này chỉ có hiệu lực đến ngày 28/02/2027. Điều này đòi hỏi Luật Hòa giải ở cơ sở phải được sửa đổi để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Ngoài ra, các yêu cầu mới về cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số cũng đặt ra nhu cầu hoàn thiện pháp luật về hoà giải ở cơ sở, trong đó có một số luật mới ban hành có liên quan, như: Luật An ninh mạng năm 2025, Luật Chuyển đổi số năm 2025, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Thương mại điện tử năm 2025... đều có những quy định cần được nghiên cứu, tiếp thu và cụ thể hóa phù hợp trong Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi).

Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (đặc biệt là Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng), Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới,... đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về hoà giải ở cơ sở.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện và các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, việc cấp thiết là cần khẩn trương xây dựng, hoàn thiện dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) nhằm thể chế hoá đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân, doanh

⁵ Khoản 3 Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định chủ thể tiến hành hòa giải là Tổ hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở.

⁶ Khoản 1 Điều 63 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 quy định: Tổ chức hòa giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh bao gồm: “b) Tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật về hòa giải thương mại, pháp luật về hòa giải tại cơ sở, pháp luật về hòa giải tại tòa án”.

ng nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích: đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, hiệu quả của thủ tục hành chính; tính phù hợp trong phân quyền, phân cấp; bảo đảm bình đẳng giới và việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi).

2.2. Yêu cầu: nội dung đánh giá khách quan, đầy đủ, bám sát thực tiễn và phù hợp quy định pháp luật.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính (nếu trong dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính)

a) Về số lượng, tên thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)

- *Nêu rõ số lượng, tên thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (trong đó nêu rõ thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới; thủ tục hành chính hiện hành được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính hiện hành được bãi bỏ; thủ tục hành chính hiện hành được giữ nguyên).*

Trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) quy định có 05 thủ tục hành chính (TTHC) thuộc lĩnh vực hoà giải ở cơ sở.

- Về thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) không quy định các thủ tục hành chính mới so với Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

- Về thủ tục hành chính hiện hành được bãi bỏ: Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) không đề xuất bãi bỏ TTHC hiện hành.

- Thủ tục hành chính hiện hành được giữ nguyên: Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) giữ nguyên 02/05 thủ tục hành chính của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.

- Về thủ tục hành chính hiện hành được sửa đổi, bổ sung: Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) sửa đổi, bổ sung 03/05 thủ tục hành chính của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, bổ sung thêm đối tượng thực hiện, thụ hưởng kết quả giải quyết TTHC.

Bên cạnh đó, quán triệt quan điểm Luật chỉ quy định “*những vấn đề khung*”, “*những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội*”; các quy định cụ thể, chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ, ngành sẽ được quy định tại các văn bản dưới Luật để “*đảm bảo linh hoạt, phù hợp với*

thực tiễn”⁷. Theo đó, dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) chỉ quy định về tên thủ tục hành chính, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính, đối với quy định về thành phần hồ sơ, thời hạn thực hiện các thủ tục, dự thảo Luật sửa đổi theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi).

05 TTHC trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở bao gồm:

1. Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã), mã thủ tục hành chính số 1.002211. *(Được quy định tại Điều 10 dự thảo Luật về chủ thể giải quyết TTHC: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận hòa giải viên. Quyết định công nhận hòa giải viên được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, hòa giải viên và thông báo công khai ở thôn, tổ dân phố.)*

Trong quy trình thực hiện TTHC có bổ sung thêm trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chỉ định Hòa giải viên trong trường hợp nhất định (Điều 9 dự thảo Luật quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền chỉ định Hòa giải viên trong trường hợp tổ hòa giải không đủ số lượng hòa giải viên tối thiểu theo quy định, bầu không có kết quả và không thể tổ chức bầu hòa giải viên theo quy định). Mặc dù thêm trường hợp chỉ định hòa giải viên nhưng không làm phát sinh TTHC mới, vì việc lựa chọn hòa giải viên dưới hình thức bầu hay chỉ định thì hòa giải viên vẫn phải đáp ứng yêu cầu, điều kiện chung để làm hòa giải viên, chỉ định hòa giải viên chỉ xảy ra trong những trường hợp nhất định, việc lựa chọn này không làm thay đổi trình tự thực hiện TTHC. Kết quả thực hiện TTHC sẽ là Quyết định công nhận hòa giải viên đối với cả 02 trường hợp hòa giải viên được bầu hoặc hòa giải viên được chỉ định.

Tên gọi, cơ quan thực hiện của TTHC này được giữ nguyên như Luật cũ.

2. Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã), mã thủ tục hành chính số 2.000930. *(Được quy định tại Điều 13 dự thảo Luật về đối tượng thực hiện TTHC và cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: Trường hợp thôi làm hòa giải viên quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ trưởng tổ hòa giải đề nghị Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên. Trường hợp thôi làm hòa giải viên đối với tổ trưởng tổ hòa giải thì Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban*

⁷ Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật và Công văn số 48/CV-BCDDTKNQ ngày 03/05/2025 của Ban chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên).

Tên gọi, đối tượng thực hiện, cơ quan thực hiện của TTHC này được giữ nguyên như Luật cũ.

3. Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã), mã thủ tục hành chính số 2.000950. *(Được quy định tại Điều 16 dự thảo Luật về đối tượng thực hiện TTHC và cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: Việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải được thực hiện dưới sự chủ trì của Trưởng ban công tác Mặt trận bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được các hoà giải viên thống nhất lựa chọn. Kết quả bầu tổ trưởng tổ hòa giải được lập thành văn bản và gửi chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để ra quyết định công nhận.).*

Tên gọi, đối tượng thực hiện, cơ quan thực hiện của TTHC này được giữ nguyên như Luật cũ.

4. Thủ tục thanh toán thù lao của hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải (cấp xã), mã thủ tục hành chính số 2.002080. *(Được quy định tại Điều 11, Điều 19 dự thảo Luật về quyền của hòa giải viên, quyền của người được mời trực tiếp tham gia hòa giải là đối tượng thụ hưởng kết quả giải quyết TTHC: Hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải)*

Tên gọi của TTHC này được bổ sung thêm đối tượng được hưởng thù lao “người được mời trực tiếp tham gia hòa giải”.

5. Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp xã), mã thủ tục hành chính số 2.000424. *(Được quy định tại Điều 11, Điều 19 dự thảo Luật về quyền của hòa giải viên, quyền của người được mời trực tiếp tham gia hòa giải là đối tượng thụ hưởng kết quả giải quyết TTHC: Được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải).*

Tên gọi của TTHC này được bổ sung thêm đối tượng được hưởng thù lao “người được mời trực tiếp tham gia hòa giải”.

Như vậy, theo dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi), các TTHC trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở, được quy định bảo đảm phù hợp với hướng dẫn các quy định về thủ tục hành chính.

b) Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Trong 05 thủ tục hành chính quy định tại dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi), có 03/05 TTHC có sửa đổi, bổ sung về đối tượng thực hiện thủ tục hành

chính, trong đó có 02/3 TTHC có sửa đổi về tên thủ tục hành chính, các quy định trong dự thảo Luật chưa cấu thành đầy đủ nội dung của thủ tục hành chính (gồm trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết,...). Vì vậy, báo cáo này chỉ đánh giá tác động chung của các thủ tục, bao gồm thẩm quyền ban hành, tính hợp hiến, hợp pháp của thủ tục hành chính. Việc đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung sẽ được thực hiện ở văn bản dưới luật (Nghị định của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)), trong đó, Nghị định sẽ quy định cụ thể trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, mẫu tờ khai, thời hạn giải quyết của các thủ tục hành chính nêu trên.

- Về sự cần thiết, hợp lý: Việc giữ nguyên các TTHC trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở theo dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn hiện nay. Qua tổng kết thi hành pháp luật, các TTHC hiện hành (công nhận hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải, chỉ thù lao,...) cơ bản vận hành ổn định, được địa phương triển khai thống nhất, không phát sinh vướng mắc lớn. Do đó, việc kế thừa các quy định này góp phần bảo đảm tính liên tục của chính sách, tránh xáo trộn tổ chức, đồng thời duy trì sự ổn định trong hoạt động của tổ hòa giải và đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở. Các quy định về việc thực hiện TTHC hòa giải ở cơ sở đã phục vụ thiết thực cho quá trình tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, bảo đảm tính chính danh cho các hòa giải viên khi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở (thủ tục công nhận hòa giải viên, công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, cho thôi hòa giải viên), đồng thời giúp cơ quan nhà nước quản lý công tác hòa giải được bài bản, thống nhất; các TTHC cũng bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng cho hòa giải viên ở cơ sở, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải khi tham gia giải quyết vụ việc mẫu thuẫn, tranh chấp thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở cũng như động viên, khuyến khích người dân tham gia vào công tác hòa giải (thủ tục thanh toán thù lao của hòa giải viên, thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải). Các quy định về TTHC trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở tại dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, bám sát thực tiễn triển khai, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, đồng thời bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, phân định rõ trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Điều này góp phần tăng tính linh hoạt, khả thi của chính sách và đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong giai đoạn mới.

- Về thẩm quyền ban hành thủ tục hành chính: Các thủ tục hành chính được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Về tính hợp hiến, hợp pháp của thủ tục hành chính: Các thủ tục hành chính phù hợp với Hiến pháp, không có mâu thuẫn, chồng chéo, thống nhất với quy định

tại các văn bản pháp luật khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

(Kèm theo Biểu mẫu số 02/DGTC-SDBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo văn bản được ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BTP).

2. Việc phân quyền, phân cấp (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về phân quyền, phân cấp)

2.1. Sự cần thiết của việc phân quyền, phân cấp

Thực tiễn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 cho thấy, mô hình tổ chức và cơ chế quản lý công tác hòa giải ở cơ sở cần được điều chỉnh theo hướng làm rõ trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, khắc phục tình trạng chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm trong chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

Thực hiện nhất quán nguyên tắc “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Trong bối cảnh tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, việc phân định rõ thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã là yêu cầu khách quan nhằm: Bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cấp chính quyền; Tăng cường tính chủ động của cấp xã – nơi trực tiếp tổ chức hoạt động hòa giải; Giảm tải cho cấp trên trong những công việc mang tính tác nghiệp, thường xuyên; Gắn trách nhiệm với thẩm quyền, bảo đảm nguyên tắc “*gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân*”, chính quyền địa phương được tự quyết, tự chịu trách nhiệm. Do đó, việc quy định về phân quyền, phân cấp trong dự thảo Luật là cần thiết, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính và thực tiễn tổ chức thi hành pháp luật về hòa giải ở cơ sở. Việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) được xác định là một nội dung quan trọng, nhằm cụ thể hóa chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cơ sở trong tổ chức và thực hiện công tác hòa giải.

2.2. Thẩm quyền và nội dung phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật quy định tương đối rõ ràng, cụ thể nội dung phân quyền, phân cấp giữa cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp xã tại Điều 31, Điều 32 dự thảo Luật:

(1) Đối với cấp trung ương: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở. Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở.

Theo đó Bộ Tư pháp có trách nhiệm sau:

- Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức, kiểm tra thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

- Biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở cho cấp tỉnh;

- Quy định các biểu mẫu, biểu thống kê về tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở.

Các quy định nêu trên bảo đảm tính thống nhất trong quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, phân công rõ ràng cho đơn vị chủ trì quản lý là Bộ Tư pháp, đồng thời phân công phối hợp liên ngành giữa các đơn vị liên quan bảo đảm sự thống nhất, linh hoạt trong tổ chức thực hiện.

(2) Đối với cấp tỉnh: Cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh, bao gồm các nội dung chủ yếu như:

- Trình dự toán kinh phí hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở để Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định;

- Biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở cho cấp xã;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại địa phương; kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về hòa giải ở cơ sở;

Việc phân quyền cho cấp tỉnh ở các nội dung nêu trên là phù hợp với vị trí là cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp của cấp xã, có điều kiện về nguồn lực, chuyên môn và khả năng điều phối chung trong phạm vi toàn tỉnh.

(3) Đối với cấp xã: Cấp xã là cấp chính quyền trực tiếp tổ chức và bảo đảm hoạt động hòa giải ở cơ sở, được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ mang tính tác nghiệp và gắn với thực tiễn địa bàn xã, như:

- Thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở tại địa phương;

- Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã để Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định;

- Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận, cho thôi làm tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên tại địa phương;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở; tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và khen thưởng về hòa giải ở cơ sở;

- Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho

hòa giải viên trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp lồng ghép thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; hỗ trợ bố trí phiên dịch trong trường hợp các bên trong hoà giải không bố trí được phiên dịch cho mình trên cơ sở đề nghị của hoà giải viên;

- Hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở cho người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 18 của Luật này;

- Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đầu cuối và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải.

- Chỉ đạo, tạo điều kiện cho tổ hoà giải, hoà giải viên thực hiện tốt công tác hoà giải ở cơ sở;

- Chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã bảo đảm an ninh trật tự khi tiến hành vụ, việc hoà giải trên cơ sở đề nghị của hoà giải viên theo quy định;

- Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

Việc phân cấp cho cấp xã các nhiệm vụ nêu trên là phù hợp với nguyên tắc quản lý theo địa bàn, bảo đảm tính kịp thời, linh hoạt, sát thực tế và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư.

Có thể thấy, dự thảo Luật đã thể hiện sự phân định tương đối rạch ròi giữa chức năng quản lý, hướng dẫn (cấp tỉnh) và chức năng tổ chức thực hiện (cấp xã), hạn chế sự chồng chéo, trùng lặp.

2.3. Điều kiện bảo đảm thực hiện nội dung được phân quyền, phân cấp

Cùng với việc phân cấp, phân quyền, dự thảo Luật đã quy định rõ các điều kiện bảo đảm thực hiện nội dung được phân cấp phân quyền (bảo đảm nguyên tắc “trao quyền phải đi kèm nguồn lực”):

- + Về vấn đề kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở: các cấp hành chính ở địa phương có trách nhiệm “*Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở để Hội đồng nhân dân có thẩm quyền xem xét quyết định*”.

- + Về đào tạo, hỗ trợ lâu dài cho hòa giải viên: chính quyền cấp xã có trách nhiệm “*Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên trên địa bàn*”..

- + Về ứng dụng công nghệ thông tin: cấp xã có trách nhiệm “*Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đầu cuối và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải.*”

Theo các quy định nêu trên, việc phân quyền, phân cấp tại dự thảo Luật đã bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan và điều kiện, đặc điểm, nguồn lực, năng lực của địa phương, bảo đảm tính chủ động, tự chủ của các cơ quan trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền, phân cấp.

2.4. Cơ chế kiểm tra, giám sát sau phân quyền, phân cấp

Cơ quan, người phân cấp có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả theo quy định. Cụ thể, theo quy định của dự thảo Luật:

- Chính quyền cấp tỉnh có trách nhiệm *“Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại địa phương; kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về hòa giải ở cơ sở;*

- Chính quyền cấp xã có trách nhiệm *“Báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở”.*

Quy định về phân quyền, phân cấp trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) nêu trên đã được thiết kế theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu cải cách tổ chức bộ máy và quản lý nhà nước hiện nay, bảo đảm: Không trùng lặp về nội dung giữa các cấp; Phân định rành mạch giữa quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện; Gắn phân quyền, phân cấp với cơ chế bảo đảm nguồn lực và kiểm soát quyền lực. Việc hoàn thiện các quy định này sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn mới.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở đã bổ sung nguyên tắc về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo đó, quy định nội dung về khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động hòa giải ở cơ sở được quy định tại Điều 5 dự thảo Luật *“Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hoà giải ở cơ sở bảo đảm phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật”.*

Bên cạnh đó, trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) cũng bổ sung nhiều quy định ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số cụ thể như:

- Bổ sung hình thức hoà giải trực tuyến tại Điều 25 dự thảo Luật, cụ thể:

“Hòa giải được tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến với sự có mặt các bên. Trong trường hợp một trong các bên có người khuyết tật thì có sự hỗ trợ phù hợp để có thể tham gia hòa giải.”

+ Đồng thời, quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tranh chấp, mâu thuẫn trong việc lựa chọn, đề xuất hình thức hoà giải, trong đó có hình thức hoà giải trực tuyến tại Điều 22 dự thảo Luật: *“Lựa chọn, đề xuất hòa giải viên, hình thức, địa điểm, thời gian tiến hành hòa giải”*.

+ Bổ sung quy định về việc biểu quyết bằng hình thức trực tuyến trong bầu hoà giải viên trong nội dung về bầu, công nhận hoà giải viên tại Điều 8 dự thảo Luật: *“Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố tổ chức bầu hòa giải viên ở thôn, tổ dân phố bằng một trong các hình thức sau đây: (i) Biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp đại diện các hộ gia đình; (ii) Phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình; (iii) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được người dân ở thôn, tổ dân phố thống nhất lựa chọn. (iv) Biểu quyết kết hợp hình thức trực tiếp và trực tuyến”*.

Toàn bộ TTHC trong lĩnh vực hoà giải được thiết kế và có thể triển khai thực hiện trên môi trường số (nếu đáp ứng các điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin), bảo đảm thực hiện theo hình thức điện tử toàn trình. Các thủ tục hành chính sẽ được thực hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia, phù hợp với định hướng phát triển Chính phủ số, kinh tế số, đồng thời hiện thực hóa chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá chiến lược trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

a) Đánh giá sự phù hợp của các quy định trong dự thảo Luật với yêu cầu bảo đảm quyền bình đẳng về cơ hội, điều kiện, năng lực thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) được xây dựng trên cơ sở quán triệt, bám sát và phù hợp với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật như quy định của Hiến pháp năm 2013 về việc công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt; Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới; Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em. Luật Bình đẳng giới quy định rõ mục tiêu bình đẳng giới là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ

hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 về việc lồng ghép các vấn đề về giới trong các quy định của Luật.

Bên cạnh đó, việc xây dựng, hoàn thiện dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) tiếp tục phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan đến giới và bình đẳng giới mà Việt Nam là thành viên như: Công ước CEDAW (Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ), Công ước quốc tế về quyền trẻ em...

- *Về cơ hội thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới:* Dự thảo Luật không phân biệt giới tính và cơ hội thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới trong thực hiện hoà giải ở cơ sở.

- *Về điều kiện thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới:* Việc thực hiện các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) đòi hỏi năng lực về kiến thức pháp luật và kỹ năng trong thực hiện các hoạt động về hoà giải nhưng không có rào cản về giới.

- *Về năng lực thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới:* Các chủ thể trong hoạt động hoà giải bình đẳng trong thụ hưởng quyền lợi gắn với vị trí, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể theo quy định của pháp luật.

b) Về yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới; nội dung bình đẳng giới, các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới khi triển khai thi hành các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi).

Dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử về giới “*các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới là một căn cứ quan trọng của việc rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật*” (khoản 2 Điều 20 Luật Bình đẳng giới); đảm bảo nguyên tắc “*nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó*” (Điều 5 Luật Bình đẳng giới). Tạo điều kiện để mọi người và cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển và tham gia hoạt động hoà giải, cụ thể:

Khoản 5 Điều 4 quy định về nguyên tắc tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở đã quy định trực tiếp về việc bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở: “*Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở*”. Điều này đặt ra yêu cầu đối với các hòa giải viên khi tham gia công tác hòa giải ở cơ sở phải tuân thủ nguyên tắc bình đẳng giới, không phân biệt đối xử, không dựa trên các định kiến về vai trò của nữ giới và nam giới trong gia đình và xã hội để thực hiện hòa giải, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa nam và nữ. Đồng thời đảm bảo nam và nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, không bị phân biệt đối xử

về giới trong quá trình tổ chức, giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở. Quy định này cũng phù hợp với chính sách của Nhà nước ta về thực hiện bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và những cam kết của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế về thúc đẩy bình đẳng giới, chống phân biệt đối xử... Nguyên tắc này vừa bảo đảm thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong công tác hòa giải ở cơ sở, đồng thời hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử về giới trong thực tiễn hoạt động hòa giải.

- Điều 14 dự thảo Luật quy định về thành phần tham gia Tổ hòa giải phải có ít nhất 01 thành viên là nữ. Đây là quy định nhân văn kế thừa quy định Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Tại nhiều nơi, sự tham gia công tác xã hội của phụ nữ còn hạn chế do điều kiện kinh tế - xã hội hoặc do định kiến giới tại một số vùng miền, việc quy định trực tiếp tại dự thảo Luật về việc phải có thành viên nữ trong Tổ hòa giải là rất cần thiết trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, không chỉ bảo đảm quyền tham gia công tác xã hội của phụ nữ tại địa phương mà còn bảo đảm quyền bình đẳng giới cho đối tượng này khi tham gia công tác hòa giải ở cơ sở; khi có hòa giải viên nữ trong tổ hòa giải sẽ tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của phụ nữ, trẻ em và các nhóm dễ bị tổn thương khi giải quyết các tranh chấp thuộc phạm vi được hòa giải về tranh chấp gia đình, dân sự, hôn nhân hoặc đất đai... (đặc biệt bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em trong các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình hoặc phân chia tài sản), thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với đối tượng yếu thế trong xã hội là phụ nữ. Có thể nói, quy định yêu cầu tổ hòa giải phải có nữ hòa giải viên sẽ góp phần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của phụ nữ, trẻ em và các nhóm dễ bị tổn thương, giúp xóa bỏ định kiến giới và đảm bảo công bằng, bình đẳng giới thực chất tại cộng đồng.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật có các quy định gián tiếp bảo đảm bình đẳng giới như tiêu chuẩn hòa giải viên quy định tại Điều 11 dự thảo Luật, về quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải và tổ hòa giải ở cơ sở đều được xây dựng trên nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa nam và nữ, bảo đảm bình đẳng giới. Nữ giới và nam giới đều bình đẳng trong việc tham gia làm hòa giải viên hay tổ trưởng tổ hòa giải hay nói cách khác nam và nữ bình đẳng về cơ hội làm hòa giải viên hay tổ trưởng tổ hòa giải, cùng có cơ hội phát huy năng lực trong việc giải quyết các tranh chấp tại cơ sở. Không có một quy định nào giới hạn sự tham gia của một trong hai giới trong công tác hòa giải ở cơ sở chỉ vì giới tính của mình.

Đồng thời, việc bảo đảm bình đẳng giới không chỉ thể hiện ở cơ cấu, tổ chức của tổ hòa giải, mà còn được lồng ghép trong toàn bộ hoạt động hòa giải ở cơ sở. Cụ thể, các quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hòa giải; việc phân công hòa giải viên; lựa chọn địa điểm; trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải; lập biên bản; thực hiện, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải

thành... đều được quy định theo hướng bảo đảm không phân biệt đối xử về giới. Những quy định này góp phần bảo đảm các bên tham gia hòa giải được đối xử bình đẳng, tôn trọng và không bị phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong suốt quá trình hòa giải.

Sau khi được ban hành, các quy định trong Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) bảo đảm không có sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ, các đối tượng yếu thế trong xã hội; tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mỗi cá nhân cho sự phát triển của gia đình, cộng đồng và thụ hưởng như nhau đối với các quy định của Luật.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) tiếp tục kế thừa các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và bảo đảm phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc theo tinh thần của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt. Các quy định đã lồng ghép chính sách dân tộc trong tổ chức và hoạt động hòa giải, thể hiện ở các nội dung sau:

5.1. Tôn trọng và phát huy giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp

Điều 4 dự thảo Luật nhấn mạnh nguyên tắc hòa giải phải tôn trọng phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, phù hợp với chính sách dân tộc và pháp luật của Nhà nước (*Nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở: Bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi*). Đồng thời tại Điều 23 dự thảo Luật về tiến hành hòa giải cũng quy định “*Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, Hòa giải viên áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó*”. Cách tiếp cận này bảo đảm hài hòa giữa pháp luật và văn hóa truyền thống, tránh sự áp đặt, đồng thời góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giải quyết tranh chấp.

5.2. Bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc và đại diện phù hợp trong tổ hòa giải.

Điều 14 dự thảo Luật quy định tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Quy định này có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, bảo đảm hòa giải viên ở cơ sở cần có sự am hiểu ngôn ngữ, phong tục, tập quán địa phương, qua đó nâng cao chất lượng hòa giải và tăng tính thuyết

phục, đồng thuận trong cộng đồng. Các quy định đều thể hiện các dân tộc có quyền bình đẳng như nhau trong tổ chức và hoạt động hòa giải, không có sự phân biệt đối xử giữa các dân tộc, bảo đảm thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc trong hoạt động hòa giải.

5.3. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và sử dụng ngôn ngữ dân tộc.

Khoản 8 Điều 4 dự thảo Luật quy định “*Tiếng nói và chữ viết dùng trong hòa giải ở cơ sở là Tiếng Việt. Các bên trong hòa giải có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; trường hợp này họ có trách nhiệm tự bố trí phiên dịch cho mình. Trong trường hợp không thể tự bố trí phiên dịch, các bên trong hòa giải có quyền đề nghị hòa giải viên đề xuất cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ bố trí phiên dịch cho mình.*”. Quy định này bảo đảm những dân tộc thiểu số được dùng tiếng nói, chữ viết của mình khi tham gia hòa giải ở cơ sở. Ngoài ra, việc dự thảo Luật quy định tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số đã trực tiếp khuyến khích sử dụng tiếng nói, chữ viết của người dân tộc thiểu số trong quá trình hòa giải. Đây là những quy định, giải pháp thiết thực nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, nâng cao khả năng tham gia và thực hiện thỏa thuận của người dân, nhất là tại vùng sâu, vùng xa. Quy định này góp phần thu hẹp khoảng cách về ngôn ngữ, tạo điều kiện bình đẳng trong tiếp cận pháp luật.

5.4. Góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và ổn định xã hội.

Dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) không có nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến các chính sách dân tộc; các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) phù hợp với nguyên tắc đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc./.